

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 3486/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phía Nam đường Đông Tây, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị và Quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phía Nam đường Đông Tây, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 251/TTr-SXD ngày 28/10/2016 và Báo cáo thẩm định số 649/BC-SXD ngày 28/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phía Nam đường Đông Tây, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chủ đầu tư: UBND thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng.

4. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Địa điểm quy hoạch: Thuộc địa địa giới hành chính phường Tự An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Ranh giới khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đường Trần Quý Cáp;

+ Phía Nam giáp: Suối Ea Tam;

+ Phía Đông giáp: Phường Tân Lập và xã Hòa Thắng;

+ Phía Tây giáp: Suối Ea Tam và phường Ea Tam.

5. Quy mô dân số, diện tích lập quy hoạch:

- Quy mô dân số: Khoảng 7.150 người.

- Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 126,21 ha.

6. Tính chất: Là khu đô thị Văn hóa - Thương mại dịch vụ - Giáo dục - Y tế đáp ứng các yêu cầu mở rộng và phát triển đô thị. Có chức năng kết nối trung tâm hành chính phường Ea Tam, khu đô thị đại học phía Tây Nam và trung tâm thể dục thể thao cấp vùng thuộc khu đô thị mới Đồi thủy văn nằm về phía Bắc khu quy hoạch.

7. Mục tiêu của đồ án:

- Cụ thể hoá định hướng phát triển không gian đô thị theo quy hoạch chung xây dựng thành phố Buon Ma Thuột đến năm 2025;

- Làm căn cứ triển khai các dự án y tế, văn hóa, thương mại hiện đại kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng theo chức năng đô thị;

- Làm cơ sở quản lý và phát triển đô thị, xây dựng các chính sách, giải pháp thu hút các nguồn lực đầu tư và phát triển đô thị.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Loại đất sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất đơn vị ở		42,43	33,62
1	Đất ở		33,54	26,57
-	Nhà ở liên kế	OLK1, OLK2	3,91	-
-	Nhà ở biệt thự	NV1, ..., NV13	29,63	-
2	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở		4,38	3,47
-	Đất giáo dục	CC4, CC5	1,32	-
-	Đất công cộng - Y tế - Hành chính	CC3, CC6, ..., CC8	3,06	-
3	Đất cây xanh	CX2	4,51	3,58

II	Đất ngoài đơn vị ở		83,78	66,38
1	Đất công cộng		35,13	27,83
-	Đất giáo dục	ĐT	10,91	8,64
-	Đất y tế (Bệnh viện vùng)	CC1	12,14	9,62
-	Đất văn hóa	CC2	2,44	1,93
-	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp	HH1, HH2	9,64	7,64
2	Đất du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng	DL1, ..., DL4	3,64	2,88
3	Đất cây xanh - thể dục thể thao	CX1	3,82	3,04
4	Đất cây xanh cách ly hành lang an toàn lưới điện và hành lang an toàn suối	CL1, ..., CL5; CQ1, ..., CQ9	14,67	11,62
5	Mặt nước	MN1, ..., MN7	2,68	2,12
6	Đất giao thông, bãi xe		23,84	18,89
-	Đất giao thông		22,02	-
-	Bãi đậu xe	HT	1,82	-
	Tổng cộng		126,21	100,00

9. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Chỉ tiêu về mật độ xây dựng tối đa		
1	Đất ở		-
-	Nhà ở liên kế (ký hiệu OLK1, OLK2)		80
-	Nhà biệt thự (ký hiệu NV1, ..., NV13)		50
2	Đất công trình công cộng		
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu CC3, CC6, ..., CC8)		40
-	Đất công cộng - Dịch vụ - Hành chính ngoài đơn vị ở	%	
+	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH1, HH2)		40
+	Đất giáo dục (ký hiệu ĐT)		40
+	Đất y tế (ký hiệu CC1)		40
+	Đất văn hóa (ký hiệu CC2)		40

-	Đất du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng (ký hiệu DL1, ..., DL4)		30
-	Trường tiểu học (ký hiệu CC5)		40
-	Trường mẫu giáo (ký hiệu CC4)		40
3	Công viên cây xanh		10
II	Chỉ tiêu về tầng cao		
1	Nhà ở		
-	Nhà ở liên kế (ký hiệu OLK1, OLK2)		02÷05
-	Nhà biệt thự (ký hiệu NV1, ..., NV13)		01÷03
2	Đất công trình công cộng		
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu CC3, CC6, ..., CC8)		01÷03
-	Đất công cộng - Dịch vụ ngoài đơn vị ở		
-	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH1, HH2)		
+	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH1)		09÷15
+	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH2)		05÷09
-	Đất giáo dục (ký hiệu ĐT)	tầng	03÷09
-	Đất Y tế (ký hiệu CC1)		05÷09
-	Đất văn hóa (ký hiệu CC2)		03-05
-	Đất du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng (ký hiệu DL1, ..., DL4)		01÷03
-	Trường tiểu học (ký hiệu CC5)		01÷03
-	Trường mẫu giáo (ký hiệu CC4)		01÷02
3	Công viên cây xanh		-
III	Chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất tối đa		
1	Nhà ở liên kế (ký hiệu OLK1, OLK2)		4,0
2	Nhà biệt thự (ký hiệu NV1, ..., NV13)		1,5
3	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu CC3, ..., CC8)	lần	1,2
4	Đất công cộng - Dịch vụ ngoài đơn vị ở		

-	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH1, HH2)		
+	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH1)		6,0
+	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH2)		3,6
-	Đất giáo dục (ký hiệu ĐT)		3,6
-	Đất y tế (ký hiệu CC1)		3,6
-	Đất văn hóa (ký hiệu CC2)		2,0
5	Đất du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng (ký hiệu DL1, ..., DL4)		0,9
6	Trường tiểu học (ký hiệu CC5)		1,2
7	Trường mẫu giáo (ký hiệu CC4)		0,8
IV	Chỉ tiêu về khoảng lùi công trình tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ		
1	Nhà ở liên kế (ký hiệu OLK1, OLK2): Khoảng lùi công trình đối với các đường quy hoạch		3,00
2	Nhà biệt thự (ký hiệu NV1, ..., NV13): Khoảng lùi công trình đối với các đường quy hoạch		3,00
3	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở		
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu CC3, CC7, CC8): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		10,00
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu CC6): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch	m	6,00
4	Đất công cộng - Dịch vụ - Hành chính ngoài đơn vị ở		
-	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu HH1, HH2): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		10,00
-	Đất giáo dục (ký hiệu ĐT): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		10,00
-	Đất y tế (ký hiệu CC1): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		10,00

-	Đất văn hóa (ký hiệu CC2): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		10,00
5	Đất du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng (ký hiệu DL1, ..., DL4): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		10,00
6	Trường tiểu học (ký hiệu CC5): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		6,00
7	Trường mẫu giáo (ký hiệu CC4): Khoảng lùi công trình đối với đường quy hoạch		6,00
V	Chỉ tiêu về độ vươn ban công của nhà ở liên kế so với chỉ giới xây dựng		
1	Đối với đường có chỉ giới đường đỏ 7,00 ÷ 12,00 m	m	0,90
2	Đối với đường có chỉ giới đường đỏ 12,00 ÷ 15,00 m		1,20
3	Đối với đường có chỉ giới đường đỏ >15,00 m		1,40
VI	Chỉ tiêu về cây xanh đối với công trình nhà ở, công trình công cộng		
1	Nhà biệt thự	%	20
2	Công trình công cộng		30
VII	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
1	Cấp nước sinh hoạt	lít/người-ngày đêm	150
2	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/người/năm	1.100
3	Thoát nước thải sinh hoạt	% lượng nước cấp	≥80
4	Rác thải sinh hoạt	kg/người-ngày đêm	1,3

10. Giải pháp kiến trúc và tổ chức không gian quy hoạch:

a) Phân khu chức năng (Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất QH-03): Được phân thành 03 khu chức năng gồm khu công trình công cộng đô thị (Văn hóa - Thương mại dịch vụ - Giáo dục - Y tế) nằm ở phía Bắc và phía Tây khu quy hoạch; đơn vị ở nằm ở phía Đông Nam khu quy hoạch và khu du lịch nghỉ dưỡng nằm phía Tây Nam khu quy hoạch.

- Khu công trình công cộng đô thị (Văn hóa - Thương mại dịch vụ - Giáo dục - Y tế): Diện tích khoảng 35,13 ha bố trí về phía Bắc và phía Tây khu quy hoạch, giới hạn trục đường Trần Quý Cáp, trục đường N3 bao gồm các công

trình về văn hóa (Nhà hát Thành phố), thương mại dịch vụ hỗn hợp, giáo dục, y tế (Bệnh viện vùng). Quy mô dân số: khoảng 5.740 người được dự kiến bố trí vào khu nhà liên kế nằm dọc trục đường Trần Quý Cáp và các công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp cao tầng.

- Đơn vị ở (phía Đông Nam): Diện tích khoảng 42,43 ha, quy mô dân số khoảng 1.400 người, giới hạn trục đường Vành đai phía Đông, trục đường N4 và hệ thống suối bao gồm khu nhà biệt thự và công trình công cộng phục vụ khu ở (Trường tiểu học; Trường mầm non; công trình công cộng, công viên cây xanh).

- Khu du lịch nghỉ dưỡng (phía Tây Nam): Diện tích khoảng 3,64 ha, nằm dọc trục đường N3, trục đường D2 và dọc theo hệ thống suối; khai thác tối đa cảnh quan sinh thái dọc theo suối Ea Tam, hình thành điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết nối với tuyến tham quan du lịch sinh thái suối Ea Tam.

b) Kiến trúc và tổ chức không gian (*Bản đồ quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan QH-04*):

- Tận dụng, khai thác địa hình cảnh quan thiên nhiên của lưu vực suối Ea Tam chảy qua khu quy hoạch, tôn tạo, khơi thông dòng nước cùng với nhiều mảng cây xanh, mặt nước vườn hoa, bảo vệ hệ sinh thái cây xanh, mặt nước tự nhiên tạo nét sinh thái đặc trưng cho khu đô thị. Các dải cây xanh dọc theo các tuyến đường phố, các tiểu hoa viên, vườn dạo trong các nhóm nhà ở tạo thành các mảng cây xanh, liên hoàn trong khu đô thị.

- Kiến trúc công trình mang sắc thái kiến trúc đặc trưng vùng trung Tây Nguyên, hiện đại, phù hợp với địa hình, hài hòa với cảnh quan khu vực. Đồng thời bố trí các khối nhà thương mại dịch vụ cao tầng, các công trình văn hóa, giáo dục, y tế mang hình khối hiện đại tại trung tâm khu quy hoạch tạo nên điểm nhấn đặc biệt về mặt cảnh quan, tạo ra môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới cho khu vực.

- Quy hoạch khu ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà biệt thự ở phía Đông Nam khu quy hoạch bám theo địa hình hiện trạng tạo đặc trưng riêng, mang sắc thái đô thị vùng trung Tây nguyên, kết hợp các công trình công cộng dịch vụ cấp khu ở và khu vực, đảm bảo tiêu chuẩn của khu đô thị hiện đại. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu ở đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế, bán kính phục vụ và được đầu tư xây dựng đồng bộ.

- Khu cây xanh, công viên - thể dục thể thao: Bố trí dọc theo hệ thống suối, sử dụng hệ thống mặt nước kết hợp với cây xanh công viên đan xen với cây xanh đường phố tạo thành những mảng xanh, dải xanh trong khu đô thị. Khu cây xanh cảnh quan bám theo địa hình, dọc theo hệ thống suối tự nhiên, tạo thành các hồ nước với nhiều mảng xanh; khu cây xanh, công viên - thể dục thể thao với tính chất mở, hình thành những không gian sinh hoạt cộng đồng, đảm bảo các chỉ tiêu chung của cây xanh đô thị, tôn tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường.

c) Thiết kế đô thị: Thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị (phần thể hiện trong thuyết minh và Bản đồ quy hoạch QH 05A, QH 05B).

11. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông (Bản đồ quy hoạch giao thông và quy hoạch chỉ giới đường đỏ - chỉ giới xây dựng QH-06):

- Các chỉ tiêu kỹ thuật, chỉ giới đường đỏ các tuyến đường giao thông trong phạm vi dự án: Do điều kiện địa hình độ dốc dọc đường bám theo độ dốc địa hình và độ dốc san nền.

- Giao thông đối ngoại: Đường Vành đai phía Đông đi ngang qua khu quy hoạch, có chỉ giới đường đỏ 36,00 m (mặt cắt 1 – 1).

- Giao thông đối nội: Hệ thống giao thông đô thị trong khu vực quy hoạch được đầu nối phù hợp, kết nối khu đô thị với các khu vực xung quanh, không ảnh hưởng đến tính chất, chức năng và định hướng phát triển chung của đô thị, lộ giới các trục đường từ 12,00 m đến 36,00 m.

- Bảng quy hoạch hệ thống giao thông trong khu vực lập quy hoạch:

STT	Tên đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Mặt cắt quy hoạch (m)			
				Via hè		Giải phân cách	Lòng đường
				Bên trái	Bên phải		
1	Đường vành đai phía Đông	1 – 1	36,00	6,00	6,00	2,00	22,00
2	Đường Trần Quý Cáp	1' – 1'	30,00	6,00	6,00	3,00	15,00
3	Đường N3, N6	2 – 2	24,00	4,50	4,50	-	15,00
4	Đường N1, N2, D2, D3	3 – 3	22,00	4,00	4,00	-	14,0
5	Đường N4, N5, D1, D5	4 – 4	15,00	4,00	4,00	-	7,00
6	Đường N4, N5, D4, D5, D6, D7	5 – 5	12,00	3,00	3,00	-	6,00

b) Quy hoạch cấp điện (Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị, ký hiệu QH-10): Về nguồn điện: Sử dụng nguồn từ tuyến trung thế 22kV trên đường Trần Quý Cáp cấp điện cho khu quy hoạch; lưới trung áp 22kV, lưới hạ áp 0,4kV và lưới chiếu sáng (giao thông, cảnh quan) được đi ngầm.

c) Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy:

- Quy hoạch cấp nước sinh hoạt (Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, ký hiệu QH-08): Đầu nối vào mạng lưới cấp nước chung của thành phố Buôn Ma Thuột thông qua điểm đầu nối trên trục đường Trần Quý Cáp, các tuyến ống chính được lắp đặt ống có kích thước D110 - D200. Dựa vào mạng lưới cấp nước sinh hoạt, bố trí các trụ chữa cháy tại những nơi thiết yếu và thuận tiện cho việc lấy nước phòng cháy chữa cháy, cự ly không quá 150,00m/trụ.

d) Quy hoạch san nền, thoát nước mưa (*Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, ký hiệu QH-07*):

- Quy hoạch san: Tận dụng địa hình tự nhiên, san lấp cục bộ trong khu dự án, cân bằng đào đắp tại chỗ, đảm bảo thoát nước mưa thuận lợi, không ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực.

- Quy hoạch thoát nước mưa: Bố trí công thoát nước mưa đường kính D600-D800-D1000-D1500-D2000 kết hợp các hố thu dọc theo các trục đường giao thông nội bộ đảm bảo nước tự chảy theo độ dốc địa hình xả ra các lưu vực.

e) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường (*Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và VSMT, ký hiệu QH-09*):

- Nước thải sinh hoạt và chất thải vệ sinh được xử lý cục bộ trong từng hạng mục công trình, sau khi đạt yêu cầu vệ sinh môi trường mới đưa vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buon Ma Thuột thông qua hệ thống ống có kích thước D200-D300.

- Quy hoạch chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung về các thùng chứa rác, sau đó được vận chuyển bằng xe chuyên dùng về khu xử lý chôn lấp chất thải rắn của khu vực.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Đã thực hiện bám sát theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy hoạch được duyệt với những nội dung chính nêu trên, cơ quan quản lý về xây dựng các cấp hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng biết, thực hiện. Đồng thời, làm căn cứ thực hiện quản lý đất đô thị và lập các dự án đầu tư xây dựng đô thị;

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phía Nam đường Đông Tây, phường Tụ An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh phê duyệt, giao cho UBND thành phố Buon Ma Thuột công bố rộng rãi quy hoạch xây dựng để tổ chức, cá nhân được biết, kiểm tra và thực hiện.

3. Giao cho UBND thành phố Buon Ma Thuột tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới các tuyến giao thông ngoài thực địa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, để làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng công trình theo quy hoạch;

4. Ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Buon Ma Thuột ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phía Nam đường Đông Tây, phường Tụ An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian 60 ngày, kể từ khi quy hoạch phân khu được duyệt. Trước khi phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

5. Trên cơ sở quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phía Nam đường Đông Tây, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được duyệt, UBND thành phố Buôn Ma Thuột cập nhật và công bố kịp thời, đầy đủ các dự án đầu tư đã và đang triển khai để các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần có những điều chỉnh cục bộ so với quy hoạch được duyệt, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổng hợp ý kiến địa phương, báo cáo Sở Xây dựng để kiểm tra và đề xuất UBND tỉnh quyết định.

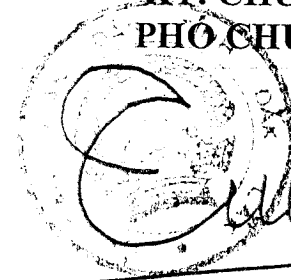
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (Hg 23).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà